

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06/2023/QĐST- HNGĐ**

Ngày: 19/01/2023

*“V/v Yêu cầu công nhận thuận tình
ly hôn và thỏa thuận nuôi con”*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Phạm Thị Mai Hoa**

Thư ký phiên họp: Bà **Đặng Ngọc Anh.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 349/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 368/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, Thông báo về việc mở lại phiên họp **số 01/2023/TB-TA** ngày 12 tháng 01 năm 2023, **giữa:**

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn PhTr, xã LH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Kyotofukyotoshiminamikukissho in miyano nishi cho 4banchi1 ra-ku Yasuda pa-to 1 (Nhật Bản)

- Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1992

ĐKKH và cư trú: KDC Thanh Liễu, phường TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị L: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979

ĐKKH: số nhà 2, khu 1, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.
Chị L, anh H và ông H1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Công H và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TH (nay là phường TH), thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chủ yếu về vấn đề kinh tế. Tháng 6/2016, chị L đã bỏ lại con cho anh H nuôi để về nhà bố mẹ đẻ sống. Tháng 4/2017, chị L sang Nhật Bản làm ăn. Tháng 11/2022, chị L về Việt Nam thăm gia đình sau đó lại quay lại Nhật Bản. Chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã thống nhất làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Nguyễn Công A, sinh ngày 12/7/2015, hiện cháu Công A đang ở cùng anh H và ông bà nội. Chị L và anh H thỏa thuận để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp chị L, anh H đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H;

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H, giao cho anh Nguyễn Công H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công A, sinh ngày 12/7/2015 cho đến khi con chung thành niên. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000đ/tháng;

Về lệ phí: Chị L phải chịu 300.000đồng lệ phí ly hôn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Chị L và anh H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L đã về nước cùng anh H có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung nhưng do điều kiện công việc, chị L phải sang Nhật Bản nên **không** đến Tòa án để nộp đơn và làm việc với Tòa án. **Chị L** đã có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 giao nhận văn bản tố tụng do Tòa án giao cho chị L. Các đơn của chị L đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường TH nơi anh H và chị L cư trú nên các đơn trên là hợp pháp. Do chị L đang ở Nhật Bản nên việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của chị L và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H và chị L đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt chị L, anh H.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH (nay là phường TH), thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/9/2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra xung đột, mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Đến nay, cả hai đều xác định tình cảm không còn và cùng thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H và chị L theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân & Gia đình.

- Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Nguyễn Công A, sinh ngày 12/7/2015, hiện cháu Công A đang ở cùng anh H và ông bà nội. Chị L, anh H thỏa thuận để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Công A. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 01/2023 đến khi con chung thành niên. Xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H, giao cho anh Nguyễn Công H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công A, sinh ngày 12/7/2015 cho đến khi con chung thành niên. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H là 2.000.000đồng/tháng, thời gian từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Kể từ ngày anh Nguyễn Công H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Nguyễn Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do chị Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002377 ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị L đã thực hiện xong).

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường TH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HC; Tòa GD&NCTN.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Hoa